TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Võ Ngọc Ba**

2/ Ông **Nguyễn Văn Bá**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Phùng Kim Tho** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số120/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Công Đ**, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1984.(vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Ông **Phạm Văn Th**, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Công Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị V xây dựng hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 16/12/2011. Thời gian chung sống được gần 02 năm thi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do cuộc sống không hợp

nhau, luôn bất đồng quan điểm, sống không có hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh yêu cầu xin ly hôn với chị V. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kèm theo đơn khởi kiện anh Đ có nộp các tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, đơn yêu cầu về việc xác nhận nơi cư trú, giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị V. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Công Đ, xử cho anh Đ ly hôn với chị Nguyễn Thị V. Về án phí: buộc nguyên đơn nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn chị Nguyễn Thị V được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Người làm chứng ông Phạm Văn Th vắng mặt tại phiên Tòa nhưng ông Th đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 31/8/2017. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Trần Công Đ và chị Nguyễn Thị V thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 129 vào ngày 16/12/2011 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị V là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, và hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2013 cho đến nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì và nội dung sự việc được gia đình hai bên động viên nhiều lần nhằm để giúp đỡ anh Đ và chị V hàn gắn tiếp tục chung sống nhưng không đạt kết quả và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Toà án hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng chị V vẫn vắng mặt không lý do.Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh Đ và chị V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh Đ là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Đ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Công Đ phải nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Công Đ. Xử cho anh Đ ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Công Đ nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0013975 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, anh Đ không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 16/12/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Văn Năm